

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ H cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung đăng ký khai sinh họ và tên Nguyễn Văn Minh N, sinh

ngày 20/10/2012 và Nguyễn Nhã P, sinh ngày 11/7/2018. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng anh Đ và chị H.

Chị H và anh Đ thỏa thuận giao cả hai cháu Nguyễn Văn Minh N và Nguyễn Nhã P cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con là cháu Nguyễn Nhã P mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu Nguyễn Nhã P trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ H xác nhận hiện không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn Đ mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng.

Về án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng, nhưng hai bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị Mỹ H tự nguyện chịu thay cho anh Nguyễn Văn Đ.

Tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hạnh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002371 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, chị H đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường H, thành phố H;
- (Anh Đ và chị H ĐKKH số 02/2012, ngày 05/01/2012);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung